



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2017

(Ban hành theo Quyết định số 16.5.1/ĐT-CTĐT-ĐT ngày 5 tháng 9 năm 2017 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

- Tên ngành, nghề đào tạo: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí
- Tên tiếng Anh: Mechanical engineering technology
- Mã ngành, nghề: 6510201
- Trình độ: Cao đẳng
- Đối tượng tuyển sinh: THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

- Có kiến thức cơ bản về Triết học Mác –Lênin, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
- Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất;
- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc;
- Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về: vẽ kỹ thuật, vật liệu cơ khí, cơ kỹ thuật;
- Lập được quy trình công nghệ chế tạo và sửa chữa các chi tiết cơ khí;
- Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về: công nghệ chế tạo máy, công nghệ CAD/CAM – CNC...

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về Triết học Mác –Lênin, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Có kiến thức về rèn luyện sức khỏe, thể thao và quốc phòng an ninh.

- Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về: vẽ kỹ thuật, vật liệu cơ khí, cơ kỹ thuật, chi tiết máy...
- Trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản về: Công nghệ chế tạo máy, công nghệ CAD/CAM – CNC...
- Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 – 2245;
- Phân tích được độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;
- Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, đặc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;
- Trình bày được phương pháp gia công cắt gọt theo từng công nghệ, các dạng sai hỏng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục;

Về kỹ năng:

- Đọc hiểu được bản vẽ cơ khí và vẽ được các bản vẽ Cơ khí;
- Vận hành được các thiết bị cơ khí, thiết kế, gia công các chi tiết máy ở mức độ đơn giản.
- Lập được quy trình công nghệ chế tạo và sửa chữa các chi tiết cơ khí.
- Áp dụng được những kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn đã học để thực hiện các công việc liên quan tới Công nghệ kỹ thuật cơ khí.
- Phân tích được quy trình vận hành, thao tác, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp các máy gia công cắt gọt của ngành;
- Vận hành, lập trình, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển số (CNC);
- Đảm nhiệm được các công việc về bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị cơ khí.
- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cầm tay;
- Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề;
- Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công;
- Cập nhật kiến thức nâng cao trình độ phù hợp với yêu cầu công việc.
- Có khả năng làm việc theo nhóm.
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao.

Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng tự học và làm việc độc lập;
- Có phương pháp làm việc khoa học, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh, đúc kết kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công việc.

- Khả năng phối hợp hoạt động, làm việc theo nhóm; xác định các vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm.
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện của bản thân, của nhóm.
- Thực hành làm việc trong nhiều loại môi trường khác nhau.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng làm việc tại các cơ sở sản xuất cơ khí, các nhà máy sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí.
- Kỹ thuật viên bảo trì, trực tiếp đứng máy, dây chuyền sản xuất hoặc có khả năng mở cơ sở sản xuất riêng.
- Có khả năng tự học, tự ứng dụng.
- Tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn (liên thông lên Đại học tại các trường Đại học lân cận có cùng ngành).

2. **Thời gian khoá học:** 30 tháng (từ 9/2017 đến 06/2020).

3. **Thời gian học tập:** 85 tuần, trong đó thời gian thi hết môn học/học phần 10 tuần.

4. **Thời gian khai giảng, bế giảng:**

5. **Quyết định phê duyệt chương trình:**

6. **Phân bổ thời gian đào tạo:**

- Số lượng học phần: 35
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 81 tín chỉ
- Khối lượng các học phần chung/đại cương: 22 tín chỉ
- Khối lượng các học phần chuyên môn: 59 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 32 tín chỉ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 49 tín chỉ

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Thời gian đào tạo (Giờ)			Lịch thi kết thúc (dự kiến)
			LT	TH	Ôn, Kiểm tra	
1.	DCC100131	Chính trị 1	45	0		Từ ngày 26/02/2018. đến 10/06/2018
2.	DCC100132	Chính trị 2	15	30		Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
3.	DCC100220	Pháp luật	30	0		Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
4.	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	0	30		Từ ngày 08/01/2018.

					đến 20/01/2018
5.	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	0	30	Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
6.	DCK100052	Giáo dục quốc phòng - An ninh 1B	15	30	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019
7.	DCC100053	Giáo dục quốc phòng - An ninh 2	0	30	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
8.	DCC100191	Tin học	15	60	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
9.	NNK100031	Anh văn 1B	30	30	
10.	NNC100020	Anh văn 2	30	30	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
11.	CSC102170	Vẽ kỹ thuật	45	30	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
12.	CSC102190	Vật liệu cơ khí	30	0	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
13.	CSC102180	Cơ học ứng dụng	30	0	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
14.	CSC101040	NL - CTM	15	30	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
15.	CSC102160	Dung sai	30	0	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
16.	CSC102200	Autocad	15	30	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019
17.	CNC102360	Công nghệ chế tạo máy	30	30	Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
18.	CNC102300	Công nghệ CNC	15	30	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019

19.	CNC102390	Khai triển hình gò	15	30	Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
20.	CNC102400	Vẽ thiết kế trên máy tính	15	30	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
21.	CNC102410	Truyền động KN - TL trong máy công nghiệp	15	30	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
22.	CNC102060	Thực tập nguội	0	90	Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
23.	CNC102150	Thực tập Gò - Hàn	0	90	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019
24.	CNC102224	Thực tập Cơ khí 1	0	180	Từ ngày 08/01/2018. đến 20/01/2018
25.	CNC102225	Thực tập Cơ khí 2	0	180	Từ ngày 11/06/2018. đến 24/06/2018
26.	CNC102226	Thực tập Cơ khí 3	0	180	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019
27.	CNC102024	Thực tập Cơ khí 4	0	135	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
28.	CNC102420	Thực tập doanh nghiệp	0	180	Từ ngày 08/01/2019. đến 20/01/2019
29.	CNC102310	Thực tập CNC	0	90	Từ ngày 11/06/2019. đến 24/06/2019.
30.	CNC102430	Thực tập hàn nâng cao	0	90	Từ ngày 05/10/2020. đến 10/01/2020
31.	CNC102440	Thực tập CNC nâng cao	0	90	Từ ngày 05/11/2020. đến 10/11/2020
32.	TNC102130	Thực tập tốt nghiệp	0	225	Từ ngày 18/02/2020.

					đến 23/12/2020
33.	TNC102140	Khóa luận tốt nghiệp	30	60	Từ ngày 17/12/2020 đến 22/12/2020
34.	TNC102091	Các phương pháp gia công đặc biệt	15	30	Từ ngày 17/12/2020 đến 22/12/2020
35.	TNC102120	Thiết kế khuôn mẫu	15	30	Từ ngày 17/12/2020 đến 22/12/2020

7. Quy định về Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Điều 27, Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

Hejil Chic thy